

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản trong tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	08 - 29
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	75.370.414	1.661.462.776
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.733.193.974	483.082.493
Cộng	<u>2.808.564.388</u>	<u>2.144.545.269</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng khác	<u>75.483.233.204</u>	<u>37.071.837.740</u>
Công ty TNHH Hòa Bình	3.200.616.810	-
Công ty TNHH Việt nam MMT	544.245.909	2.943.399.915
Công ty TNHH một thành viên Trường Hải	3.609.100.939	169.783.400
Công ty TNHH thương mại hoá chất Minh Đức	1.196.908.068	1.521.977.658
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Quỳnh Anh	-	1.500.500.000
Hợp tác xã khai thác và vận chuyển đá Đức Giang	3.293.830.000	-
Công ty cổ phần vận tải Khánh An	19.395.156.350	-
Phải thu khách hàng khác	44.243.375.128	30.936.176.767
Cộng	<u>75.483.233.204</u>	<u>37.071.837.740</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán khác	<u>2.476.935.060</u>	<u>3.478.063.044</u>
Công ty TNHH Phát Đạt	409.882.640	-
Công ty TNHH Cơ khí Tuấn Mạnh	260.000.000	-
Ông Phạm Mạnh Hà	-	517.000.000
Công ty Cổ phần Cát Thịnh	-	805.477.860
Đối tượng khác	1.807.052.420	2.155.585.184
Cộng	<u>2.476.935.060</u>	<u>3.478.063.044</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.701.341.929	(29.100.000)	3.840.974.771	(29.100.000)
Tạm ứng	2.288.918.692	(22.100.000)	2.493.865.192	(22.100.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.412.423.237	(7.000.000)	1.347.109.579	(7.000.000)
<i>Trợ cấp ốm đau thai sản</i>			164.802.500	
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	388.981.412		356.432.647	
<i>Phải thu các cá nhân về tiền vay</i>	174.820.602	(7.000.000)	177.135.165	(7.000.000)
<i>Các khoản phải thu khác</i>	5.848.621.223		648.739.267	
Cộng	8.701.341.929	(29.100.000)	3.840.974.771	(29.100.000)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(4.938.855.629)	-	(4.938.855.629)
Trích lập dự phòng bổ sung	(556.740.795)	-	(556.740.795)
Giảm do hoàn nhập	358.216.843	-	358.216.843
Số cuối năm	(5.137.379.581)	-	(5.137.379.581)

*Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi xem phụ lục số 01.***6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	101.638.251.512	-	90.159.172.740	-
Công cụ, dụng cụ	-		17.300.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.680.874.989	-	6.844.541.458	-
Thành phẩm	10.166.960.437	-	2.256.068.093	-
Cộng	132.486.086.938	-	99.277.082.291	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	6.477.000.107	7.902.121.338
Chi phí CCDC	360.056.271	195.026.667
Chi phí trả trước khác	1.154.585.052	40.238.463
Cộng	7.991.641.430	8.137.386.468

8. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	148.407.054.858	318.830.636.087	20.119.066.384	-	487.356.757.329
Mua trong năm	312.678.182	10.710.170.999	277.272.727	73.000.000	11.373.121.908
Đầu tư XDCB hoàn thành	13.862.444.753	5.897.695.088	-	-	19.760.139.841
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.070.433.657)	(463.636.364)	-	(1.534.070.021)
Giảm khác (phân loại lại tài sản sang công cụ dụng cụ)	(154.000.000)	-	-	-	(154.000.000)
Số cuối năm	162.428.177.793	334.368.068.517	19.932.702.747	73.000.000	516.801.949.057
<i>Trong đó:</i>					
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	22.546.141.166	35.877.756.597	3.177.541.590	-	61.601.439.353
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	69.954.347.452	140.148.984.254	10.611.739.079	-	220.715.070.785
Khấu hao trong năm	6.556.773.718	10.506.634.340	1.137.996.472	2.027.777	18.203.432.307
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.038.401.025)	(443.065.025)	-	(1.481.466.050)
Giảm khác (phân loại lại tài sản sang công cụ dụng cụ)	(3.850.000)	-	-	-	(3.850.000)
Số cuối năm	76.507.271.170	149.617.217.569	11.306.670.526	2.027.777	237.433.187.042
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	78.452.707.406	178.681.651.833	9.507.327.305	-	266.641.686.544
Số cuối năm	85.920.906.623	184.750.850.948	8.626.032.221	70.972.223	279.368.762.015

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 439.143.513.666 đồng và 162.455.445.772 đồng được chấp để đảm bảo cho các khoản vay trung hạn tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái.

10. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Là chương trình phần mềm			
Số đầu năm	122.436.364	122.436.364	-
Tăng trong năm	40.000.000	-	40.000.000
Số cuối năm	162.436.364	122.436.364	40.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÌNH

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển sản xuất kinh doanh</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	2.631.325.337	17.886.980.775	19.760.139.841	-	758.166.271
<i>Nhà xuất xi măng</i>	-	68.630.000	68.630.000	-	-
<i>Đường quanh nhà máy</i>	-	224.175.125	224.175.125	-	-
<i>Vườn hoa nhà máy</i>	-	96.284.894	96.284.894	-	-
<i>Mái che dây chuyền nghiền thô</i>	-	218.583.000	218.583.000	-	-
<i>Đường điện và trạm biến áp</i>	-	2.366.363.636	2.366.363.636	-	-
<i>Hệ thống cấp điện khí nén</i>	-	539.464.838	539.464.838	-	-
<i>Nhà xưởng I</i>	-	311.628.000	311.628.000	-	-
<i>Nhà xưởng II</i>	-	480.630.000	480.630.000	-	-
<i>Nhà xưởng III</i>	-	117.709.000	117.709.000	-	-
<i>Nhà xưởng IV</i>	-	33.952.000	33.952.000	-	-
<i>Nhà điều hành</i>	-	31.998.000	31.998.000	-	-
<i>Máy nghiền PXJ 1400 x 1400</i>	-	1.044.455.200	1.044.455.200	-	-
<i>Thi công đường vận chuyển đá nguyên liệu</i>	-	501.499.340	501.499.340	-	-
<i>Khai trường khai thác đá hoang khu vực Tây Bắc</i>	-	8.871.526.920	8.871.526.920	-	-
<i>Máy nén khí, máy tách ẩm</i>	-	220.000.000	220.000.000	-	-
<i>Dây chuyền nghiền đá</i>	-	1.112.832.000	1.112.832.000	-	-
<i>Dây chuyền máy nghiền (tạm tăng tài sản do đã đưa vào sử dụng)</i>	2.050.464.466	1.469.943.422	3.520.407.888	-	-
<i>Móng máy nghiền bột đá</i>	580.860.871	177.305.400	-	-	758.166.271
Sửa chữa lớn tài sản cố định	11.950.165.137	35.522.372.341	-	27.116.087.983	20.356.449.495
Cộng	14.581.490.474	53.409.353.116	19.760.139.841	27.116.087.983	21.114.615.766

12. Đầu tư vào góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với tỷ lệ 1,67%

13. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(2.667.914.722)	(2.851.048.551)
Tăng do trích lập trong năm		
Số hoàn nhập trong năm (*)	399.382.207	183.133.829
Số cuối năm	(2.268.532.515)	(2.667.914.722)

(*) Số hoàn nhập trong năm dựa trên số liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình chưa được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	14.629.791.014	894.446.631
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng khu vực bến cảng bốc xếp xã Mông Sơn	7.913.889	31.655.555
Hạ độ dốc đường khai thác đá	58.226.327	174.678.980
Thay xà gồ, mái tôn nhà trụ sở văn phòng	54.265.151	104.356.060
Thăm dò thiết kế khai thác đá	195.151.515	296.969.697
Đại tu xe ô tô ISUZU	30.780.000	61.560.000
Chi phí nguyên liệu phục vụ sản xuất (vỏ bao xuất dùng nhiều lần)	-	195.454.000
Cộng	14.976.127.896	1.759.120.923

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>168.215.651.484</i>	<i>92.144.533.655</i>
Fujan Fengli Machinery Technology	4.764.551.625	4.764.551.625
Công ty TNHH vận tải Phúc Hưng Long	4.777.517.987	6.273.052.987
Hợp tác xã khai thác và vận chuyển đá Đức Giang	26.268.349.469	8.949.119.330
Công ty cổ phần vận tải Khánh an	20.702.510.652	19.881.487.920
Phải trả cho các đối tượng khác	111.702.721.751	52.276.321.793
Cộng	168.215.651.484	92.144.533.655

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.840.462.562</i>	<i>3.256.106.999</i>
Công ty TNHH đầu tư kinh doanh phát triển nhà và thương mại Hà Nội	179.750.000	-
Công ty TNHH thương mại và vận tải Trường Thành	249.219.000	249.219.000
Công ty TNHH rúpì Hoàng Sơn	-	902.000.000
Các đối tượng khác	1.411.493.562	2.104.887.999
Cộng	1.840.462.562	3.256.106.999

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.534.957.031	-	5.121.620.110	7.436.452.851	2.220.124.290	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	103.462.081	-	-	-	103.462.081
Thuế thu nhập cá nhân	24.582.545	-	75.002.370	76.934.090	22.650.825	-
Thuế tài nguyên	1.568.307.695	-	5.889.068.487	6.108.645.902	1.348.730.280	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	382.234.582	-	1.104.962.529	856.706.389	630.490.722	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.140.116.599	-	4.162.198.220	4.136.437.962	2.165.876.857	-
Cộng	8.650.198.452	103.462.081	16.355.851.716	18.618.177.194	6.387.872.974	103.462.081

(*) Khoản thuế phải thu được trình bày ở chi tiêu thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	321.358.000	3.590.061.855
Chi phí lãi vay phải trả	321.358.000	1.744.786.828
Chi phí điện, nước phải trả	-	1.845.275.027
Cộng	321.358.000	3.590.061.855

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	14.390.931.734	10.833.288.001
Kinh phí công đoàn	752.572.437	629.569.635
BHXH, BHYT, BHTN	3.180.840.974	5.297.945.347
Bảo hiểm xã hội (trợ cấp ốm đau, thai sản)	289.388.230	166.573.520
Công ty Cổ phần Latca (Đặt cọc tiền mua thiết bị)	650.000.000	650.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.859.000	1.859.000
Vay Clinker của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	1.900.105.455	1.900.105.455
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.581.165.638	2.152.235.044
Cộng	14.390.931.734	10.833.288.001

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	178.513.000.769	178.513.000.769	128.331.709.219	128.331.709.219
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam - CN Yên Bái (a)	119.942.129.221	119.942.129.221	94.962.317.503	94.962.317.503
Vay ngắn hạn - Ngân hàng NN Yên Bình (b)	58.570.871.548	58.570.871.548	33.369.391.716	33.369.391.716
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	20.980.988.000	20.980.988.000	21.760.000.000	21.760.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam - CN Yên Bái	20.980.988.000	20.980.988.000	21.760.000.000	21.760.000.000
Cộng	199.493.988.769	199.493.988.769	150.091.709.219	150.091.709.219

(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/783294/HĐTD ngày 26 tháng 5 năm 2016. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 120.000.000.000 trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn chưa đến hạn thanh toán được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng hạn mức số 03/2015/783294/HĐTD ngày 25/05/2016 và phụ lục hợp đồng số 04/2015/783294/HĐTD ngày 27/10/2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị phần xây lắp và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của nhà máy chế biến CaCO₃; nhà máy xi măng lò quay; nhà máy xi măng lò đứng; văn phòng công ty; xí nghiệp khai thác đá thuộc Công ty CP Xi măng Khoáng sản Yên Bái

(b): Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2016005/HĐTD ngày 05/10/2016, hạn mức tín dụng 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ đồng) mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác khoáng sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 35-2014/HĐTC.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	
				Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	128.331.709.219	267.072.704.718	-	216.891.413.168	178.513.000.769
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam - CN NH Yên Bái	94.962.317.503	158.604.667.413		133.624.855.695	119.942.129.221
Vay ngắn hạn - Ngân hàng NN Yên Bình	33.369.391.716	108.468.037.305		83.266.557.473	58.570.871.548
Vay dài hạn đến hạn trả	21.760.000.000	-	21.020.988.000	21.800.000.000	20.980.988.000
Cộng	150.091.709.219	267.072.704.718	21.020.988.000	238.691.413.168	199.493.988.769

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	86.328.262.000	86.328.262.000	107.349.250.000	107.349.250.000
Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và PT (a)	86.328.262.000	86.328.262.000	107.349.250.000	107.349.250.000
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	16.781.000.000	16.781.000.000	14.921.000.000	14.921.000.000
Cộng	103.109.262.000	103.109.262.000	122.270.250.000	122.270.250.000

(a) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 01/2011/HĐ ngày 13/10/2011 để đầu tư cải tạo nhằm tiết kiệm điện năng, nâng cao năng suất nghiền xi măng và nghiền siêu mịn bột Cacbonat Canxi, tăng cường năng lực khai thác đá nguyên liệu với thời gian vay là 07 năm (Từ năm 2011 đến năm 2018). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/HĐTD ngày 28/9/2005 đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà máy xi măng Yên Bái công suất 300.000 tấn Klinker/năm với thời gian vay là 07 năm (Từ năm 2008 đến năm 2014) và được ân hạn 02 năm (Từ năm 2005 đến năm 2007). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần. Hợp đồng vay này được điều chỉnh giãn lịch trả nợ khoản vay dài hạn đầu tư các dây chuyền sản xuất từ năm 2014 lên năm 2019 (Giã hạn thêm 05 năm).

- Hợp đồng số 01/2012/HĐTD ngày 28/7/2012 Vay trả nợ vay ngắn hạn (Bù đắp một phần mất cân đối vốn- Thiếu hụt vốn tự có Dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Nhà máy xi măng Yên Bái Công suất 300.000 tấn Clinker/năm) thời hạn vay 07 năm (Từ năm 2012 đến năm 2019). Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/2013/HĐTD ngày 10/12/2013 Vay trả nợ vay ngắn hạn (Bù đắp một phần mất cân đối vốn - đầu tư tài sản cố định năm 2011 từ nguồn vốn ngắn hạn) thời hạn vay 07 năm (Từ năm 2013 đến năm 2020). Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 01/2012/HĐ ngày 13/3/2012.

- Hợp đồng số 02/2014/783294/HĐTD ngày 27/06/2014 đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy CaCO₃ với thời gian 7 năm(Từ năm 2014 đến năm 2021). Khoản này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/783294/HĐBĐ ngày 13/06/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản. Lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/2015/783294/HĐTD ngày 17/6/2015. Mục đích vay: tài trợ dự án Đầu tư trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm, số tiền vay 22.000.000.000 với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm áp dụng đến 17/12/2015 và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV; Tài sản đảm bảo là Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm thuộc nhà máy xi măng Yên Bái và Quyền khai thác mỏ đá

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	20.980.988.000	21.760.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	103.109.262.000	122.270.250.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>124.090.250.000</u>	<u>144.030.250.000</u>

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác</u>
Số đầu năm	107.349.250.000	14.921.000.000
Số tiền vay phát sinh	-	4.710.000.000
Số tiền vay đã trả	-	(2.850.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	21.020.988.000	-
Số cuối năm	<u>86.328.262.000</u>	<u>16.781.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	48.374.300.000	9.141.949.000	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	-	(48.283.281.230)	17.727.877.838
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	5.715.542.526	5.715.542.526
Phát hành cổ phiếu trong năm	10.000.000.000	(55.454.545)	-	-	-	-	-	9.944.545.455
Số dư cuối năm trước	58.374.300.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	-	(42.567.738.704)	33.387.965.819
Số dư đầu năm nay	58.374.300.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	-	(42.567.738.704)	33.387.965.819
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	2.157.713.765	2.157.713.765
Số dư cuối năm nay	58.374.300.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	-	(40.410.024.939)	35.545.679.584